

Số: 972 /QĐ-BNV

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2017 .

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Người cao tuổi Việt Nam

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Sắc lệnh số 102/SL-L004 ngày 20 tháng 5 năm 1957 ban hành Luật quy định quyền lập hội;

Căn cứ Nghị định số 58/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội Người cao tuổi Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Người cao tuổi Việt Nam đã được Đại hội lần thứ V (nhiệm kỳ 2016 - 2021) của Hội thông qua ngày 08 tháng 11 năm 2016.

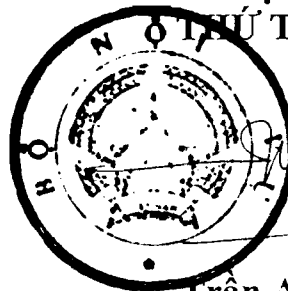
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chủ tịch Hội Người cao tuổi Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ và Chánh Văn phòng Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *M*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Bộ Nội vụ (để b/c);
- Thứ trưởng Trần Anh Tuấn;
- Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;
- Lưu: VT, TCPCP, TT.

KT. BỘ TRƯỞNG
CHỖ TRƯỞNG



Trần Anh Tuấn
Trần Anh Tuấn

ĐIỀU LỆ (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG)
HỘI NGƯỜI CAO TUỔI VIỆT NAM

*(Phê duyệt kèm theo Quyết định số: 972/QĐ-BNV
ngày 24 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)*

Người cao tuổi Việt Nam là công dân Việt Nam, không phân biệt thành phần xã hội, dân tộc, tôn giáo, sống ở trong và ngoài nước, có công sinh thành, nuôi dạy con cháu, xây dựng gia đình, dòng họ, quê hương, đất nước, giáo dục thế hệ trẻ về nhân cách, lòng yêu nước, giữ gìn gia phong, kỷ cương phép nước.

Người cao tuổi Việt Nam đã có đóng góp quan trọng trong các cuộc kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, giành độc lập, thống nhất đất nước; nay đang tiếp tục đem trí tuệ, kinh nghiệm, nghề nghiệp, tài năng tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Hội Người cao tuổi Việt Nam là tổ chức xã hội đại diện cho ý chí, nguyện vọng, quyền và lợi ích hợp pháp của người cao tuổi Việt Nam; phát huy truyền thống Diên Hồng, kế thừa Hội Phụ lão cứu quốc do Chủ tịch Hồ Chí Minh khởi xướng thành lập; tích cực hoạt động góp phần cùng với Đảng, Nhà nước và toàn xã hội chăm sóc, phụng dưỡng, phát huy vai trò người cao tuổi, phục vụ sự nghiệp đổi mới, ổn định, bảo vệ, phát triển bền vững đất nước.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi, biểu tượng

1. Tên tiếng Việt: Hội Người cao tuổi Việt Nam.
2. Tên tiếng Anh : Vietnam Association of the Elderly (viết tắt là VAE).
3. Hội Người cao tuổi Việt Nam có biểu tượng (logo) riêng được đăng ký bản quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

Hội Người cao tuổi Việt Nam (sau đây gọi tắt là Hội) tập hợp, đoàn kết rộng rãi người cao tuổi Việt Nam vào tổ chức Hội, nhằm tạo điều kiện cho người cao tuổi sống vui, sống khỏe, sống hạnh phúc, sống có ích cho bản thân, gia đình và xã hội, tham gia xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ trật tự và an toàn xã hội, góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Điều 3. Tính chất Hội và phạm vi hoạt động

1. Hội Người cao tuổi Việt Nam là tổ chức xã hội, hoạt động trong phạm vi cả nước, trong lĩnh vực người cao tuổi theo quy định của pháp luật.

3. Hội chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ; sự quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực hoạt động chính của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và các Bộ, ngành có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Địa vị pháp lý

1. Hội có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản, biểu tượng và cơ quan ngôn luận theo quy định của pháp luật.

2. Trụ sở của Hội đặt tại Hà Nội. Hội có thể đặt Văn phòng đại diện tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Ngày truyền thống, Ngày Người cao tuổi, Tháng hành động vì người cao tuổi

1. Ngày 06 tháng 6 hằng năm là Ngày truyền thống Người cao tuổi Việt Nam, đồng thời là Ngày Người cao tuổi Việt Nam.

2. Tháng 10 hằng năm là Tháng hành động vì người cao tuổi Việt Nam.

Điều 6. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Hội tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội; tuân thủ Hiến pháp, pháp luật nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

2. Hội tổ chức, hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, tự quản, dân chủ, bình đẳng, công khai; quyết định theo đa số.

3. Hội Người cao tuổi Việt Nam có thể là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Hội phối hợp chặt chẽ với các bộ, ban, ngành, đoàn thể, tổ chức ở Trung ương để thực hiện quyền hạn, nhiệm vụ Hội theo quy định của Điều lệ Hội và pháp luật.

Chương II NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN

Điều 7. Nhiệm vụ

1. Thực hiện nhiệm vụ quy định tại Điều 27 Luật Người cao tuổi, gồm:

a) Tập hợp, đoàn kết, động viên người cao tuổi tham gia sinh hoạt Hội Người cao tuổi, góp phần thực hiện các chương trình kinh tế - văn hoá - xã hội; giáo dục thế hệ trẻ, xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hoá, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

b) Làm nòng cốt trong phong trào toàn dân chăm sóc, phụng dưỡng, phát huy vai trò người cao tuổi;

c) Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của hội viên là người cao tuổi;

d) Nghiên cứu nhu cầu, nguyện vọng chính đáng của người cao tuổi để kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

đ) Đại diện cho người cao tuổi Việt Nam tham gia các tổ chức quốc tế, các hoạt động đối ngoại nhân dân vì lợi ích của Tổ quốc và của người cao tuổi.

2. Tham gia xây dựng, bảo vệ trật tự và an toàn xã hội; tham gia tổ chức thực hiện tháng hành động vì người cao tuổi Việt Nam.

3. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Quyền hạn

1. Tham gia với Đảng, Nhà nước xây dựng cơ chế, chính sách liên quan trực tiếp đến người cao tuổi và thi hành Hiến pháp, Luật Người cao tuổi.

2. Tham gia thực hiện một số hoạt động, dịch vụ thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

3. Tư vấn, giám sát các chính sách, chương trình, đề tài, dự án do cơ quan nhà nước yêu cầu về các vấn đề thuộc lĩnh vực người cao tuổi và hoạt động của Hội theo quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Chương III HỘI VIÊN

Điều 9. Hội viên

1. Công dân Việt Nam từ đủ 60 (sáu mươi) tuổi trở lên, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội, được chi hội hoặc Ban Chấp hành Hội Người cao tuổi cơ sở (nơi chưa có chi hội) đồng ý thì được công nhận là hội viên, được cấp thẻ hội viên. Trường hợp công dân Việt Nam từ 55 (năm mươi lăm) tuổi đến dưới 60 (sáu mươi) tuổi, tự nguyện và tích cực tham gia Hội hoặc được cử làm công tác Hội, được xem xét công nhận là hội viên.

2. Ban Thường vụ Hội quy định cụ thể về công nhận, xóa tên hội viên phù hợp Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Điều 10. Nhiệm vụ của hội viên

1. Chấp hành Điều lệ Hội, các nghị quyết của Hội, tham gia sinh hoạt, hoạt động trong một tổ chức cơ sở của Hội.

2. Tuyên truyền, giáo dục trong gia đình và xã hội về lòng yêu nước, đạo lý và những truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Truyền thụ kinh nghiệm, kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, tri thức của bản thân cho thế hệ trẻ.

3. Gương mẫu thực hiện và vận động nhân dân cùng thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các chương trình phát triển kinh tế - văn hoá - xã hội, các quy chế, quy ước của địa phương.

4. Đóng hội phí đầy đủ theo quy định của Hội.

Điều 11. Quyền của hội viên

1. Được Hội hướng dẫn, tạo điều kiện để hưởng mọi quyền lợi theo quy định của Luật Người cao tuổi và các văn bản quy phạm pháp luật khác về chế độ, chính sách đối với người cao tuổi.

2. Thực hiện quyền dân chủ, bình đẳng trong sinh hoạt, hoạt động xây dựng Hội, trong việc phê bình, chất vấn, giám sát các cơ quan lãnh đạo hoặc cá nhân lãnh đạo của Hội về những vấn đề liên quan đến người cao tuổi và Hội Người cao tuổi.

3. Thảo luận và biểu quyết các chủ trương công tác của Hội, ứng cử, đề cử và bầu cử các cơ quan lãnh đạo của Hội theo quy định của Điều lệ Hội.

4. Được Hội tạo điều kiện để chăm sóc và phát huy khả năng của mình; được bảo vệ khi quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm; được giúp đỡ khi gặp khó khăn, hoạn nạn; được thăm hỏi khi ốm đau; được chúc thọ, mừng thọ khi đến tuổi quy định; được phúng viếng, tiễn đưa khi qua đời.

Chương IV **TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI**

Điều 12. Tổ chức Hội

1. Hội Người cao tuổi Việt Nam:

a) Đại hội đại biểu toàn quốc;

b) Ban Chấp hành;

c) Ban Kiểm tra;

d) Ban Thường vụ.

đ) Văn phòng các ban chuyên môn và pháp nhân thuộc Hội.

2. Ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là tỉnh) và ở quận, huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là huyện) trực thuộc tỉnh:

a) Ban Đại diện Hội Người cao tuổi tỉnh, huyện;

b) Hội Người cao tuổi tỉnh, huyện (mô hình thí điểm) tại 13 tỉnh.

3. Hội Người cao tuổi xã, phường, thị trấn (gọi chung là cơ sở).

4. Chi hội, tổ hội người cao tuổi thuộc Hội Người cao tuổi cơ sở tại địa bàn thôn, ấp, bản, làng, phum, sóc, tổ dân phố, khu dân cư hoặc tương đương.

Điều 13. Đại hội đại biểu toàn quốc

1. Đại hội đại biểu toàn quốc là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội, do Ban Chấp hành Hội Người cao tuổi Việt Nam triệu tập nhiệm kỳ 05 (năm) năm. Căn cứ tình hình thực tế, Hội có thể triệu tập Đại hội nhiệm kỳ muộn hơn nhưng không quá 01 (một) năm theo quy định của pháp luật. Hội triệu tập Đại hội bất thường khi ít nhất có 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành đề nghị.

Đại hội được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt.

2. Đại hội có nhiệm vụ:

a) Thảo luận và thông qua Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ; phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ mới của Hội;

b) Thảo luận và thông qua Điều lệ (sửa đổi, bổ sung); đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Hội (nếu có);

c) Thảo luận, góp ý kiến vào Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra và Báo cáo tài chính của Hội;

d) Bầu Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra;

đ) Thảo luận và quyết định những vấn đề quan trọng khác của Hội (nếu có);

e) Thông qua nghị quyết Đại hội.

3. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội: Các quyết định của Đại hội được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức tham dự Đại hội biểu quyết tán thành. Đại hội xem xét, quyết định hình thức biểu quyết bằng bỏ phiếu kín hoặc giơ tay.

Điều 14. Ban Chấp hành Hội

1. Ban Chấp hành Hội Người cao tuổi Việt Nam do Đại hội hiệp thương dân chủ bầu ra. Số lượng ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Ủy viên Ban Chấp hành thôi tham gia công tác Hội hoặc không còn đủ sức khỏe để tham gia công tác Hội thì đương nhiên rút khỏi Ban Chấp hành. Ban Thường vụ làm các thủ tục cần thiết và báo cáo Ban Chấp hành trong kỳ họp gần nhất.

2. Ban Chấp hành là cơ quan lãnh đạo của Hội giữa hai kỳ Đại hội, có nhiệm vụ:

a) Tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, các chủ trương công tác quan trọng của Hội;

b) Chỉ đạo phong trào thi đua yêu nước “Tuổi cao - gương sáng,” hiến kế, hiến công vì quê hương đất nước;

c) Bầu Ban Thường vụ với số lượng ủy viên do Ban Chấp hành quyết định; bầu Chủ tịch, các Phó Chủ tịch trong số ủy viên Ban Thường vụ; bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành khi có yêu cầu nhưng không quá 1/3 (một phần ba) số ủy viên do Đại hội bầu.

d) Ban Chấp hành họp thường kỳ 1 (một) năm 1 (một) lần, họp bất thường khi cần.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Các cuộc họp của Ban Chấp hành họp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành dự họp biểu quyết tán thành. Ban Chấp hành quyết định biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín.

Điều 15. Mời đại diện một số tổ chức, đoàn thể, hội quần chúng tham gia Ban Chấp hành

Một số tổ chức, đoàn thể, Hội quần chúng có liên quan đến hoạt động của Hội hoặc có nhiều người cao tuổi hoạt động về các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, khoa học, công nghệ, văn học, nghệ thuật, doanh nghiệp và các lĩnh vực khác, được Hội thoả thuận mời đại diện tham gia cơ cấu bầu vào Ban Chấp hành.

Điều 16. Ban Thường vụ Hội

1. Ban Thường vụ gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và một số ủy viên thay mặt Ban Chấp hành lãnh đạo giữa hai kỳ họp, có nhiệm vụ:

a) Chỉ đạo thực hiện các nghị quyết của Đại hội, của Ban Chấp hành;

b) Quyết định thành lập các tổ chức, đơn vị thuộc Hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành và quy định của pháp luật; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo Văn phòng, các ban chuyên môn và tổ chức thuộc Hội.

c) Chuẩn bị và triệu tập các hội nghị của Ban Chấp hành;

2. Ban Thường vụ họp thường kỳ 3 (ba) tháng 1 (một) lần và họp bất thường khi cần.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ:

a) Ban Thường vụ hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Các cuộc họp của Ban Thường vụ là họp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Thường vụ tham gia dự họp. Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Thường vụ dự họp biểu quyết tán thành. Ban Thường vụ quyết định biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín.

Điều 17. Chủ tịch, Phó Chủ tịch

1. Chủ tịch Hội là đại diện theo pháp luật của Hội, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Thường vụ Hội. Tiêu chuẩn Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định và tuân thủ quy định của pháp luật.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

b) Chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý nhà nước về hội, trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội về mọi hoạt động của Hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt

động của Hội theo quy định Điều lệ Hội; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường vụ;

d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản của Hội;

đ) Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội.

3. Các Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Thường vụ Hội. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

Phó Chủ tịch Hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật. Các Phó Chủ tịch Hội được Thường trực Hội phân công những công tác cụ thể, trong đó Phó Chủ tịch Thường trực điều hành công việc hàng ngày.

4. Chủ tịch, các Phó Chủ tịch là Thường trực Hội thay mặt Ban Thường vụ điều hành hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp theo nghị quyết của Ban Thường vụ và Ban Chấp hành. Thường trực Hội làm việc tập thể.

Điều 18. Văn phòng và các ban chuyên môn

1. Văn phòng Hội là bộ phận giúp việc, triển khai thực hiện các hoạt động của Hội theo quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật. Chánh Văn phòng giúp việc lãnh đạo Hội trong điều hành và quản lý hoạt động hàng ngày của Văn phòng Hội. Các nhân viên của Văn phòng Hội được tuyển dụng và làm việc theo hợp đồng lao động.

2. Các ban chuyên môn: Căn cứ nghị quyết của Ban Chấp hành, Điều lệ Hội và quy định của pháp luật, Ban Thường vụ quyết định thành lập các ban chuyên môn để triển khai thực hiện Điều lệ Hội.

3. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm cấp trưởng, cấp phó của Văn phòng và các ban chuyên môn thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ Hội và quy chế của Hội.

Điều 19. Tổ chức có tư cách pháp nhân

1. Căn cứ nghị quyết của Ban Chấp hành và quy định của pháp luật, Ban Thường vụ Hội xem xét, quyết định việc thành lập tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc Hội để thực hiện các nhiệm vụ của Hội. Hồ sơ, điều kiện, trình tự, thủ tục thành lập các tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc Hội được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

2. Việc giải thể, sáp nhập, chia, tách; quản lý và hoạt động; bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật các chức danh cấp trưởng, cấp phó của tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc Hội thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ Hội và quy chế của Hội.

Điều 20. Ban Đại diện Hội Người cao tuổi tỉnh, huyện

1. Ban Đại diện Hội Người cao tuổi tỉnh, huyện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập. Ban Đại diện Hội Người cao tuổi tỉnh, huyện có thể là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp, có cán bộ chuyên trách; có con dấu, trụ sở; được Nhà nước hỗ trợ kinh phí, có tài khoản riêng.

2. Ban Đại diện Hội Người cao tuổi cấp tỉnh, cấp huyện có nhiệm vụ làm tham mưu và nhận sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, Ủy ban nhân dân cùng cấp về công tác Hội; tổ chức thực hiện chủ trương công tác của Hội Người cao tuổi Việt Nam; hướng dẫn, đôn đốc hoạt động Hội Người cao tuổi cơ sở; sơ kết, tổng kết, báo cáo thường kỳ với cấp ủy đảng, chính quyền cùng cấp; hướng dẫn và thực hiện công tác thi đua, khen thưởng của Hội Người cao tuổi.

Điều 21. Hội Người cao tuổi tỉnh, huyện (mô hình thí điểm) tại 13 tỉnh

1. Hội Người cao tuổi tỉnh, huyện có thể là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp, có cán bộ chuyên trách, có con dấu, trụ sở; được Nhà nước hỗ trợ kinh phí theo nhiệm vụ được giao, có tài khoản riêng;

2. Đại hội đại biểu Hội Người cao tuổi tỉnh, huyện do Ban Chấp hành Hội tỉnh, huyện triệu tập; Đại hội có nhiệm kỳ 5 (năm) năm 1 (một) lần; có thể triệu tập muộn hơn, nhưng không quá 1 (một) năm theo quy định của pháp luật.

Đại hội đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết nhiệm kỳ vừa qua; quyết định phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ tới; bầu Ban Chấp hành, bầu Ban Kiểm tra; Hiệp thương cử đại biểu dự Đại hội Hội Người cao tuổi Việt Nam. Số lượng ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định.

3. Ban Chấp hành Hội Người cao tuổi tỉnh, huyện lãnh đạo hoạt động của Hội giữa 2 (hai) kỳ Đại hội. Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ, bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch trong số ủy viên Ban Thường vụ. Số ủy viên Ban Thường vụ không quá một phần ba số ủy viên Ban Chấp hành. Khi có yêu cầu Ban Chấp hành bầu bổ sung nhưng không quá 1/3 (một phần ba) số ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội bầu.

Ban Chấp hành họp thường kỳ 6 (sáu) tháng 1 (một) lần, họp bất thường khi cần theo yêu cầu của Ban Thường vụ.

4. Ban Thường vụ Hội Người cao tuổi tỉnh, huyện thay mặt Ban Chấp hành lãnh đạo giữa hai kỳ họp, có nhiệm vụ chỉ đạo thực hiện các nghị quyết của Đại hội, của Ban Chấp hành, chuẩn bị và triệu tập các hội nghị Ban Chấp hành.

Ban Thường vụ họp thường kỳ 3 (ba) tháng 1 (một) lần, họp bất thường khi cần theo yêu cầu Thường trực;

5. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội Người cao tuổi tỉnh, huyện là Thường trực, thay mặt Ban Thường vụ điều hành hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp của Ban Thường vụ. Chủ tịch Hội là người đại diện cho Hội trước pháp luật.

Điều 22. Hội Người cao tuổi cơ sở

1. Hội Người cao tuổi cơ sở là nền tảng của Hội. Hội cơ sở có con dấu, tài khoản, trụ sở, được hỗ trợ kinh phí hoạt động theo quy định của pháp luật.

2. Đại hội toàn thể hội viên là cơ quan lãnh đạo của Hội cơ sở, do Ban Chấp hành Hội cơ sở triệu tập 5 (năm) năm 1 (một) lần, có thể triệu tập muộn hơn nhưng không quá 01 (một) năm theo quy định của pháp luật. Đại hội có nhiệm vụ:

a) Thảo luận và thông qua báo cáo nhiệm kỳ của Ban Chấp hành; quyết định phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ tới;

b) Thảo luận các vấn đề quan trọng yêu cầu;

c) Thông qua báo cáo tài chính;

d) Bầu Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra;

đ) Hiệp thương cử đại biểu đi dự Đại hội Hội Người cao tuổi huyện (nếu có);

3. Ban Chấp hành Hội cơ sở

Ban Chấp hành Hội cơ sở là cơ quan lãnh đạo của Hội giữa 2 (hai) kỳ Đại hội, do Đại hội bầu ra. Số lượng ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Khi có yêu cầu, Ban Chấp hành bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành nhưng không quá 1/3 (một phần ba) số ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội bầu. Ban Chấp hành họp thường kỳ 3 (ba) tháng 1 (một) lần, khi cần họp bất thường. Ban Chấp hành có nhiệm vụ:

a) Bầu Ban Thường vụ, bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch trong số các ủy viên Ban Thường vụ; bầu Trưởng ban Kiểm tra trong số ủy viên Ban Kiểm tra

b) Hướng dẫn các chi hội thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết, quyết định của Hội; Luật Người cao tuổi và các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước có liên quan đến người cao tuổi;

c) Định kỳ báo cáo với Hội cấp huyện, với cấp ủy Đảng, chính quyền cơ sở; phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ở cơ sở để xây dựng chương trình công tác và thực hiện nhiệm vụ;

d) Tham gia giám sát thực hiện các chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi; tham gia ý kiến với cơ quan có thẩm quyền tại địa phương những việc có liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của người cao tuổi, góp phần xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh;

đ) Sơ kết, tổng kết công tác Hội, chuẩn bị và triệu tập đại hội khi hết nhiệm kỳ;

e) Tổ chức thi đua và khen thưởng.

4. Ban Thường vụ là cơ quan lãnh đạo của Hội giữa 2 (hai) kỳ họp Ban Chấp hành. Số lượng ủy viên Ban Thường vụ không quá 1/3 (một phần ba) số ủy viên Ban Chấp hành. Ban Thường vụ họp thường kỳ 1 (một) tháng 1 (một) lần, khi cần họp bất thường.

Điều 23. Chi hội, tổ hội

1. Chi hội được tổ chức theo thôn, ấp, bản, buôn, làng, phum, sóc, khu dân cư, tổ dân phố. Những chi hội có đông hội viên có thể tổ chức các tổ hội. Chi hội có Chi hội trưởng, Chi hội phó do hội viên bầu ra; tổ hội có Tổ hội trưởng, Tổ hội phó do hội viên bầu ra. Chi hội, tổ hội sinh hoạt ít nhất 6 (sáu) tháng 1 (một) lần.

Chi hội trưởng, chi hội phó; tổ hội trưởng, tổ hội phó được bầu theo nhiệm kỳ của Hội Người cao tuổi cơ sở.

2. Nhiệm vụ của chi hội, tổ hội:

a) Tuyên truyền, phát triển hội viên; phổ biến, tổ chức thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết, quyết định của Hội; quản lý hội viên, thu và quản lý sử dụng hội phí, quỹ Hội;

b) Tổ chức thực hiện chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi theo các nghị quyết, chương trình hoạt động của Ban Chấp hành Hội cơ sở; theo Luật Người cao tuổi;

c) Tham gia xây dựng hệ thống cơ sở Hội vững mạnh;

d) Báo cáo Hội cơ sở về tổ chức và hoạt động của chi hội, tổ hội.

Chương V BAN KIỂM TRA

Điều 24. Ban Kiểm tra

1. Ban Kiểm tra gồm Trưởng ban, Phó Trưởng ban và một số ủy viên do Đại hội bầu trong số các hội viên chính thức của Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Ban Kiểm tra làm việc theo chế độ tập thể; hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội. Trong quá trình hoạt động Ban Kiểm tra chịu sự lãnh đạo của Ban Chấp hành.

Điều 25. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm tra

1. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các quy chế của Hội.

2. Kiểm tra hội viên, ủy viên Ban Chấp hành Hội và tổ chức thuộc Hội khi có dấu hiệu vi phạm Điều lệ Hội, tài chính, tài sản Hội.

3. Xem xét, kết luận những trường hợp vi phạm Điều lệ Hội, đề nghị Hội xem xét, giải quyết xử lý theo quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

4. Xem xét, giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo liên quan đến hội viên và tổ chức Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

5. Ban Kiểm tra được quyền yêu cầu tổ chức, cán bộ Hội và hội viên báo cáo, cung cấp tài liệu về những vấn đề liên quan đến nội dung kiểm tra.

Chương VI TÀI CHÍNH, TÀI SẢN CỦA HỘI

Điều 26. Tài chính

Tài chính của Hội, gồm:

1. Kinh phí do Nhà nước hỗ trợ gắn với nhiệm vụ nhà nước giao;
2. Hội phí;
3. Tài trợ của cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;
4. Nguồn thu từ các hoạt động hợp pháp của Hội.

Điều 27. Các khoản chi

1. Hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ, hành chính thường xuyên và khen thưởng.
2. Trả lương, phụ cấp và các chế độ bảo hiểm theo quy định pháp luật cho người làm việc tại Hội.
3. Mua sắm tài sản, tu bổ trụ sở của Hội.
4. Chi tổ chức Đại hội, hội nghị Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, hội thảo
5. Thăm hỏi hội viên ốm đau, hoạn nạn, phúng viếng khi qua đời.
6. Các khoản chi hợp pháp khác.

Điều 28. Quỹ chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi

Quỹ chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật.

Điều 29. Tài sản của Hội

1. Trụ sở, phương tiện, thiết bị làm việc;
2. Tài sản hợp pháp khác.

Điều 30. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản

1. Tài chính, tài sản của Hội được quản lý và sử dụng theo quy định của Hội và quy định của pháp luật. Văn phòng Hội có trách nhiệm giúp Ban Thường vụ thực hiện việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản và lưu giữ hồ sơ, sổ sách của Hội tại trụ sở Hội.

2. Ban Thường vụ quy định cụ thể về quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Chương VII KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 31. Khen thưởng

1. Tổ chức, hội viên, cán bộ Hội có thành tích được Hội biểu dương, khen thưởng: Tặng giấy khen, bằng khen, cờ thi đua, kỷ niệm chương và các danh hiệu thi

đưa khác của Hội theo quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật. Trường hợp có thành tích xuất sắc được đề nghị chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Ban Thường vụ quy định cụ thể về khen thưởng của Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Điều 32. Xử lý vi phạm

1. Tổ chức, hội viên, người làm việc tại Hội có hành vi trái với Điều lệ Hội và các nghị quyết của Hội, làm tổn hại đến danh dự, uy tín của Hội và của lớp người cao tuổi thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà góp ý, phê bình; với cá nhân khi cần thiết xóa tên trong tổ chức Hội.

2. Ban Thường vụ quy định cụ thể về xử lý vi phạm phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Chương VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 33. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Chỉ có Đại hội đại biểu toàn quốc của Hội Người cao tuổi Việt Nam có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội.

2. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội phải được trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu có mặt tại Đại hội biểu quyết tán thành và phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt mới có hiệu lực thi hành.

Điều 34. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ Hội Người cao tuổi Việt Nam gồm 8 (tám) Chương, 34 (ba mươi tư) Điều, đã được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V Hội Người cao tuổi Việt Nam thông qua ngày 08 tháng 11 năm 2016 tại Hà Nội và có hiệu lực thi hành theo quyết định phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

2. Căn cứ các quy định của pháp luật về hội và Điều lệ Hội, Ban Thường vụ Hội Người cao tuổi Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Điều lệ này. /.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

